

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/DSPT

Ngày 18-8-2020

V/v tranh chấp về thừa kế T sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Đào

- Các thẩm phán: Bà Trần Thị Thu Hiền
Bà Trương Thị Lệ Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thuý Hạnh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và 18 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 07/2020/DSPT ngày 13 tháng 7 năm 2020; do có kháng cáo của bị đơn ông Lê Xuân T1 đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 04/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hà Tĩnh, theo Quyết định đưa ra xét xử số 11/2020/QĐXX-PT ngày 30/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Xuân T, sinh năm 1962; địa chỉ: 190/36 B, phường 3, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trần Hậu Định, sinh năm 1970, trú tại: tổ 4, phường Bắc Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

Bị đơn: ông Lê Xuân T1, sinh năm 1955, trú tại: Thôn Q, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Lê Xuân L**, sinh năm 1956; trú tại: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh (*Vắng mặt*).

- Bà **Lê Thị T**, sinh năm 1969; trú tại: Thôn H, xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (*Vắng mặt*).

- Bà **Lê Thị T1**, sinh năm 1970; trú tại: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh (*Vắng mặt*).

- Bà **Lê Thị L**, sinh năm 1972; trú tại: Thôn 8, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

- Bà **Lê Thị C**, sinh năm 1976, trú tại: 780/15, đường B, phường 11, thành phố V (Vắng mặt)

- Chị **Lê Thị N**, sinh năm 1992; trú tại: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt)

- Anh **Lê Xuân V**, sinh năm 1998; trú tại: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt)

- Ông **Lê Xuân T3**, sinh năm 1955; trú tại: Lô E5, khu nhà ở Á Châu, phường 2, thành phố Vũng Tàu. (Vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Ông Lê Xuân L, bà Lê Thị T, bà Lê Thị T1, bà Lê Thị L, bà Lê Thị C, chị Lê Thị N, anh Lê Xuân V): Ông Trần Hậu Định, sinh năm 1970; trú tại: Tổ 4, phường Bắc Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt).

- UBND xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh, đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị O, Công chức địa chính xã T (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- UBND huyện L, tỉnh Hà Tĩnh, đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Tiến D, Trưởng phòng T nguyên-Môi trường huyện L (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 04/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hà Tĩnh và các T liệu có tại hồ sơ, vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn ông Lê Xuân T trình bày: Bố mẹ của nguyên đơn là ông Lê Xuân L2 và bà Phạm Thị N; ông L2 chết ngày 10/9/1987, bà N chết ngày 18/10/2017; ông bà sinh được tám người con gồm: ông Lê Xuân T1, ông Lê Xuân L, ông Lê Xuân T, bà Lê Thị T, bà Lê Thị T1, bà Lê Thị L, bà Lê Thị C và ông Lê Xuân L3. Ông Lê Xuân L3 chết vào tháng 02 năm 2009, hiện ông L3 có hai người con đang sống là chị Lê Thị N và anh Lê Xuân V. Ông L2, bà N chết không để lại di chúc, để lại T sản là quyền sử dụng đất 1550,7m², thửa đất số 323 tờ bản đồ số 38, Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Thửa đất đã được UBND huyện L cấp giấy CNQSDĐ số BR 509965 ngày 01/12/2013, mang tên người sử dụng đất là bà Phạm Thị N. Khi ông Lê Xuân L3 còn sống thì ông L3 có làm một ngôi nhà trên thửa đất và bà N sống chung với gia đình ông Luyến. Sau khi bà N chết thì cháu Lê Xuân V tiếp tục sống trên đó và trực tiếp quản lý di sản.

Để đảm bảo ổn định cuộc sống cho cháu Lê Xuân V, cũng như để tránh tình trạng tranh chấp sau này nên ông Lê Xuân T yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của ông Lê Xuân L2 và bà Phạm Thị N để lại là quyền sử dụng đất 1550,7m² (kết quả

đo đạc thực tế thì thửa đất có diện tích là 1338m²) theo quy định của pháp luật. Đồng thời ông Lê Xuân T yêu cầu Tòa án ghi nhận sự tự nguyện giao lại phần di sản thừa kế của ông T được hưởng cho ông Lê Xuân T3 (chú ruột – em trai ông Lê Xuân L2) và cháu Lê Xuân V được quyền sử dụng để xây dựng nhà thờ.

Bị đơn, ông Lê Xuân T1 trình bày: Những nội dung trình bày của nguyên đơn là đúng. Tuy nhiên, khi bố mẹ (ông L2, bà N) còn sống có nói với ông T1 là sau này khi bố mẹ chết thì đất đai không được bán hay chia cho ai cả mà giao cho cháu Lê Xuân V quản lý để thờ phụng ông bà tổ tiên, vì thửa đất này đã qua chín đời sống trên đó. Vì vậy ông Lê Xuân T1 không nhất trí chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại mà giao toàn bộ cho cháu Vĩnh tiếp tục quản lý, sử dụng. Ông Lê Xuân T3 không có quyền sử dụng vì thửa đất là của bố mẹ ông T1 để lại, ông Thủy là em ông Lê Xuân L2, không có liên quan đến thừa kế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Về di sản thừa kế, hàng thừa kế nhất trí như ý kiến trình bày của nguyên đơn. Ông Lê Xuân T, ông Lê Xuân L, bà Lê Thị T, bà Lê Thị T1, bà Lê Thị L, bà Lê Thị C, chị Lê Thị N, anh Lê Xuân V, thống nhất yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của ông L2, bà N để lại theo quy định của pháp luật và yêu cầu Tòa án ghi nhận sự tự nguyện của những người này giao lại phần di sản của mình được hưởng cho ông Lê Xuân T3 và cháu Lê Xuân V sử dụng.

Sau khi bà Phạm Thị N chết đến nay thì anh Lê Xuân V là người trực tiếp quản lý di sản nhưng anh V không yêu cầu về chi phí quản lý di sản.

Quá trình hòa giải, các bên đương sự đã thống nhất: Trên thửa đất đang tranh chấp có một ngôi nhà của ông Lê Xuân L3 xây dựng nhưng hiện tại đã hư hỏng nặng, không còn giá trị nên tiếp tục giao cho anh Lê Xuân V sở hữu. Giá trị quyền sử dụng đất của thửa đất tranh chấp, các bên đương sự thỏa thuận, thống nhất mức giá là 400.000 đồng/m².

Đại diện UBND huyện L và UBND xã T thống nhất trình bày: Thửa đất hiện tại đang có tranh chấp thừa kế là thửa đất số 323 tờ bản đồ số 38, Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Thửa đất đã được UBND huyện L cấp giấy CNQSDĐ số BR 509965 ngày 01/12/2013, mang tên người sử dụng đất là bà Phạm Thị N. Thửa đất hiện không nằm trong quy hoạch mới của chính quyền địa phương, đất có nguồn gốc đất thổ cư, sử dụng hợp pháp.

Tại Bản án số 01/2020/DS-ST ngày 04/6/2020 của TAND huyện L, tỉnh Hà Tĩnh: Căn cứ vào các Điều 612, 613, 649, 650, 651 và Điều 652 Bộ luật dân sự 2015; Điều 143 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26, Khoản 1, Điểm a Khoản 2 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

- Giao cho ông Lê Xuân T1 được quyền sử dụng phần đất diện tích 167,25m² ở Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Phần đất có các ranh giới, tứ cận

như sau: Phía bắc giáp đường trục thôn, dài 10,86m (Từ mốc số 2 đến 14 trên sơ đồ) phía nam giáp đất ông Lê Xuân L dài 5,93m (Từ mốc số 5 đến 13 trên sơ đồ) và đất bà Phạm Thị Bản, dài 4,74m (Từ mốc số 3 đến 4 trên sơ đồ); phía đông giáp đất bà Phạm Thị Bản, dài 23,83m và 2,65m (Từ mốc số 2 đến 3 và 4 đến 5 trên sơ đồ); phía tây giáp phần đất giao cho ông Lê Xuân T3 và anh Lê Xuân V, dài 27,36m (Từ mốc số 13 đến 14 trên sơ đồ).

- Giao cho ông Lê Xuân T3 và anh Lê Xuân V được quyền sử dụng phần đất diện tích 1.170,75m² ở Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Phần đất có các ranh giới, tứ cận như sau: Phía bắc giáp đường trục thôn, dài 50,07m (Từ mốc số 1 đến 14 trên sơ đồ); phía nam giáp đất ông Lê Xuân L và ông Lê Xuân Biên dài 11,25m + 7,16m + 1,15m + 5,05m + 4,51m + 14,32m (Từ mốc số 13 đến 6 và từ mốc số 7-8-9-10-11-12 trên sơ đồ) phía đông giáp đất giao cho ông Lê Xuân T1 sử dụng, dài 27,36m (Từ mốc số 13 đến 14 trên sơ đồ) và giáp đất ông Lê Xuân L, dài 2,99m (Từ mốc số 6 đến 7 trên sơ đồ); phía tây giáp đường ngõ thôn, dài 27,77m (Từ mốc số 1 đến 12 trên sơ đồ)

- Giao cho anh Lê Xuân V được quyền sở hữu toàn bộ nhà ở và các công trình trên đất (*ngôi nhà và công trình của ông Lê Xuân L3 xây dựng nhưng hiện tại đã hư hỏng, không còn giá trị*)

- Về án phí: Ông Lê Xuân T1 phải chịu 3.345.000 đồng (*Ba triệu ba trăm bốn mươi lăm ngàn đồng*) tiền án phí chia di sản; ông Lê Xuân T3 và anh Lê Xuân V phải chịu 23.415.000 đồng (*Hai ba triệu bốn trăm mười lăm ngàn đồng*) tiền án phí chia di sản. Trả lại cho ông Lê Xuân L số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) mà ông Lộc đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0002967 ngày 19/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hà Tĩnh.

Án còn tuyên quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 29/6/2020, bị đơn ông Lê Xuân T1 kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: phiên tòa sơ thẩm xét xử vắng mặt bị đơn là không đảm bảo quyền lợi của bị đơn; nhất trí chia di sản thừa kế 8 phần cho 8 người con nhưng không nhất trí chia cho ông phần diện tích nhỏ hẹp, nằm sâu trong góc vì không thể làm nhà thờ được.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại cấp sơ thẩm, đề nghị y án sơ thẩm.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các bên đương sự đã đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 04/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hà Tĩnh.

Căn cứ vào các chứng cứ và T liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện T liệu, chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp về thừa kế T sản” là đúng theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và giải quyết đúng thẩm quyền.

Về xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự: ngày 12/12/2019 ông Lê Xuân L làm đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế, ngày 19/12/2019 ông Lê Xuân L nộp tiền tạm ứng án phí đồng thời Tòa án nhân dân huyện L thông báo thụ lý vụ án xác định nguyên đơn ông Lê Xuân L, bị đơn ông Lê Xuân T1 là đúng quy định. Ngày 26/12/2019 ông Lê Xuân T làm đơn khởi kiện chia thừa kế cùng nội dung khởi kiện với ông Lê Xuân L, ngày 27/12/2019 ông Lê Xuân L rút đơn khởi kiện đề nghị thay đổi tư cách tố tụng đưa ông Lê Xuân T là nguyên đơn. Xét thấy ông Lê Xuân L và ông Lê Xuân T khởi kiện cùng một nội dung chia di sản thừa kế nên là đồng nguyên đơn, nay ông Lê Xuân L rút đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện L thông báo thay đổi tư cách tố tụng xác định ông Lê Xuân T là nguyên đơn, ông Lê Xuân L là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là đúng quy định.

[2] Về thời hiệu, hàng thừa kế: bản án sơ thẩm xác định đúng thời hiệu chia thừa kế, diện được hưởng thừa kế gồm các ông, bà Lê Xuân T1, Lê Xuân L, Lê Xuân T, Lê Thị T, Lê Thị T1, Lê Thị L, Lê Thị C, Lê Xuân V và Lê Thị N (trong đó chị Lê Thị N và anh Lê Xuân V là cháu được hưởng một suất do bố là ông Lê Xuân L3 đã chết; các ông, bà Lê Xuân L, Lê Xuân T, Lê Thị T, Lê Thị T1, Lê Thị L, Lê Thị C, Lê Thị N đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận giao lại phần thừa kế của mình cho ông Lê Xuân T3 và anh Lê Xuân V).

[3] Về di sản thừa kế: Thừa đất số 323 tờ bản đồ số 38, Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh có nguồn gốc là đất thổ cư, đất hương hỏa từ đời ông bà nội của ông Lê Xuân T để lại cho ông Lê Xuân L2 và bà Phạm Thị N. Đến năm 2013, thửa đất đã được UBND huyện L cấp giấy CNQSDĐ số BR 509965 ngày 01/12/2013, mang tên người sử dụng đất là bà Phạm Thị N. Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/02/2020 thì thửa đất có diện tích thực tế là 1.338m². Thửa đất này, ông bà N sử dụng từ trước năm 1980 đến nay không có tranh chấp và đứng tên trong hồ sơ địa chính và bản đồ 299. Đến năm 2013 được UBND huyện L cấp giấy CNQSDĐ đất. Như vậy thửa đất này thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông L2, bà N và là di sản của ông Lê Xuân L2 và bà Phạm Thị N để lại.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn:

Ông Lê Xuân T1 cho rằng Tòa án nhân dân huyện L xét xử vụ án nhưng không có mặt ông làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, tại hồ sơ vụ án đã phản ánh đầy đủ các thủ tục tố tụng đảm bảo quyền cho bị đơn, ông T1 có bản tự khai, tham gia đầy đủ các buổi công khai chứng cứ và hòa giải trình bày ý kiến của mình. Tòa án cấp sơ thẩm đưa vụ án ra

xét xử, tổng đạt trực tiếp quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa nhưng bị đơn Lê Xuân T1 đều không ký nhận, Tòa án huyện L đã lập biên bản sự việc lưu hồ sơ vụ án. Bị đơn được triệu tập hợp lệ, vắng mặt lần thứ hai không vì lý do khách quan nên Hội đồng xét xử sơ thẩm tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó kháng cáo của bị đơn về nội dung này không có căn cứ chấp nhận. Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/6/2020 ông Lê Xuân T1 nhận được bản án sơ thẩm, ngày 29/6/2020 ông làm đơn kháng cáo là trong hạn luật định.

Ông Lê Xuân T1 kháng cáo cho rằng ông nhất trí chia di sản thừa kế 8 phần cho 8 người con là đúng, tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm chia cho ông phần diện tích nhỏ hẹp, nằm sâu trong góc không thể làm nhà thờ được. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thẩm định đầy đủ diện tích đất, nhà ở trên đất; tổng diện tích đất 1338m² chia thừa kế 8 kỹ phần bằng nhau, mỗi kỹ phần 167,25m²; chia cho ông T1 một kỹ phần; ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giao lại phần đất được thừa kế của mình cho ông Lê Xuân T3 và anh Lê Xuân V là phù hợp pháp luật. Mặt khác, trên thửa đất có một ngôi nhà do vợ chồng ông Lê Xuân L3 (đều đã mất) xây dựng nên, hiện con trai ông L3 là anh Lê Xuân V đang ở, các đồng thừa kế xác định ngôi nhà đã bị hư hỏng, không còn giá trị, tiếp tục giao cho anh Lê Xuân V quản lý, sử dụng. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lê Xuân T1 đề nghị được chia phần diện tích nằm chính giữa thửa đất do bố mẹ để lại, trên móng nhà thờ cũ, không yêu cầu phần đất ở phía sát đường hay phần đất nào khác, sau đó lại thay đổi ý kiến đề nghị chia phần đất ngoài cùng giáp hai mặt đường. Mục đích các đồng thừa kế giao lại phần đất sau khi được chia của mình cho ông Lê Xuân T3 và anh Lê Xuân V, một mặt để ông Thủy (là chú ruột) có trách nhiệm làm ngôi nhà chung con cháu có nơi đi về và nơi thờ cúng ông bà, bố mẹ, mặt khác để anh Lê Xuân V có chỗ ở ổn định. Do đó việc phân chia thừa kế phải đảm bảo được diện tích đất phù hợp để xây ngôi nhà chung và nơi thờ cúng; đảm bảo giữ nguyên hiện trạng phần nhà có sẵn nằm trên phần đất được chia cho anh Lê Xuân V để anh V ổn định cuộc sống, không bị xáo trộn. Do đó việc nhập các kỹ phần đất của các đồng thừa kế thành một diện tích chung, liền kề nhau và tách riêng thửa của ông Lê Xuân T1 là phù hợp. Mặt khác, xét thực tế, các đồng thừa kế yêu cầu chia thừa kế để đảm bảo phần đất cho cháu Vĩnh ổn định cuộc sống vì mồ côi cả bố mẹ không có nơi ở nào khác và lấy một phần đất làm nơi thờ cúng, ông Lê Xuân T1 đã có nơi ở ổn định, nay được chia thêm kỹ phần thừa kế, như vậy quyền và lợi ích của ông đã được đảm bảo. Vì vậy việc phân chia di sản thừa kế của cấp sơ thẩm là hợp tình, hợp lý, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn Lê Xuân T1.

[5] Ông Lê Xuân T3 có đơn xin miễn tiền án phí và lệ phí thẩm định, tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của ông Thủy rút đề nghị miễn tiền lệ phí thẩm định. Ông Lê Xuân T1 tại phiên tòa phúc thẩm có đơn xin miễn tiền án phí vì thuộc đối tượng người cao tuổi (sinh năm 1955). Xét thấy, căn cứ quy định tại Điều 12, 14, 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Luật người cao tuổi, ông Thủy và ông T1 thuộc đối tượng được miễn, đồng thời đương sự có đơn đề nghị nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tại bản án sơ thẩm quyết định chia cho ông T và anh V phần đất có diện tích 1.170,75m² mức án phí 23.415.000đ, như vậy số tiền án phí ông Thủy được miễn là 23.415.000đ : 2 = 11.707.500đ. Ông Lê Xuân T1 được miễn số tiền án phí là 3.345.000đồng.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Xuân T1 kháng cáo không được chấp nhận, tuy nhiên là người cao tuổi nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn ông Lê Xuân T1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 04/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Căn cứ vào các Điều 612, 613, 649, 650, 651 và Điều 652 Bộ luật dân sự 2015; Điều 147, 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12, 14, 15, Khoản 7 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Xuân T chia di sản thừa kế theo pháp luật:

- Giao cho ông Lê Xuân T1 được quyền sử dụng phần đất diện tích 167,25m² tại Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Phần đất có các ranh giới, tứ cận như sau: Phía bắc giáp đường trục thôn, dài 10,86m (Từ mốc số 2 đến 14 trên sơ đồ); phía nam giáp đất ông Lê Xuân L dài 5,93m (Từ mốc số 5 đến 13 trên sơ đồ) và đất bà Phạm Thị B, dài 4,74m (Từ mốc số 3 đến 4 trên sơ đồ); phía đông giáp đất bà Phạm Thị B, dài 23,83m và 2,65m (Từ mốc số 2 đến 3 và 4 đến 5 trên sơ đồ); phía tây giáp phần đất giao cho ông Lê Xuân T3 và anh Lê Xuân V, dài 27,36m (Từ mốc số 13 đến 14 trên sơ đồ).

- Giao cho ông Lê Xuân T3 và anh Lê Xuân V được quyền sử dụng phần đất diện tích 1.170,75m² tại Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Phần đất có các ranh giới, tứ cận như sau: Phía bắc giáp đường trục thôn, dài 52,07m (Từ mốc số 1 đến 14 trên sơ đồ); phía nam giáp đất ông Lê Xuân L và ông Lê Xuân B dài 11,25m + 7,16m + 1,15m + 5,05m + 4,51m + 14,32m (Từ mốc số 13 đến 6 và từ mốc số 7-8-9-10-11-12 trên sơ đồ); phía đông giáp đất giao cho ông Lê Xuân T1 sử dụng, dài 27,36m (Từ mốc số 13 đến 14 trên sơ đồ) và giáp đất ông Lê Xuân L, dài 2,99m (Từ mốc số 6 đến 7 trên sơ đồ); phía tây giáp đường ngõ thôn, dài 27,77m (Từ mốc số 1 đến 12 trên sơ đồ).

- Giao cho anh Lê Xuân V được quyền sở hữu toàn bộ nhà ở và các công trình trên đất.

(Có sơ đồ kèm theo bản án)

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Xuân T3 và ông Lê Xuân T1 được miễn tiền án phí chia T sản; anh Lê Xuân V phải chịu 11.707.500 đồng tiền án phí chia T sản. Trả lại cho ông Lê Xuân L số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) mà ông Lộc đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0002967 ngày 19/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hà Tĩnh.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Xuân T1 không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND huyện L;
- Chi cục THA.DS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Đào